| | |
|---|---|
| **TÒA PHÚC THẨM**<br>**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**<br>**TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 54/2026/HS-PT
Ngày: 03-02-2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường
Ông Đặng Kim Nhân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 279/2025/TLPT-HS ngày 13/11/2025 đối với các bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn X đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2025/HS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2026/QĐXXPT-HS ngày14/01/2026.

1. Bị cáo:

1.1. Họ và tên: Trần Thị T, sinh ngày 01/12/1970 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); nơi ĐKHKTT: 247 P, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là B P, phường A, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Trần G và con bà Trương Thị T1; có chồng tên là Trương Văn Đ và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1992 và con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2024, vắng mặt.

1.2. Họ và tên: Trương Văn Đ, sinh ngày 10/3/1969 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); nơi ĐKHKTT: 247 P, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay

là B P, phường A, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Trương Văn G1 và con bà Nguyễn Thị H; có vợ tên là Trần Thị T và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1992 và con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", vắng mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T:

2.1. Luật sư Phùng Thị D - Công ty L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai); địa chỉ: E H, phường Q, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2.2. Luật sư Nguyễn Trần Phương T2 - Văn Phòng Luật sư Nguyễn Trần , thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai); địa chỉ: B L, phường B, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên toà.

3. Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn Đ:

Luật sư Nguyễn Trần Phương T2 - Văn Phòng Luật sư Nguyễn Trần ,thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai); địa chỉ: B L, phường B, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên toà.

4. Bị hại: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1970; trú tại: thôn B, xã H, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là Thôn B, phường A, tỉnh Gia Lai), có mặt tại phiên toà.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T và Trương Văn Đ là vợ chồng cùng trú tại B P, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là Phường A, tỉnh Gia Lai). Năm 2000 vợ chồng Trương Văn Đ tiếp quản tiệm V1 từ bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột của Đ), hoạt động kinh doanh mua bán vàng dưới hình thức kinh doanh hộ cá thể. Đến ngày 15/3/2013, Trần Thị T, Trương Văn Đ mới đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân tiệm V1 do Trương Văn Đ đứng tên Chủ Doanh nghiệp. Để có vốn kinh doanh, Trần Thị T và Trương Văn Đ đã huy động tiền, vàng của nhiều cá nhân trên địa bàn thị xã A và huyện P, tỉnh Bình Định, gồm: Hoàng Thị Kim C (SN: 1957, trú A P, phường H, TX. A, tỉnh Bình Định), Phan T H1 (SN: 1938, trú thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định), Nguyễn Văn X (SN: 1970, trú Thôn B, xã H, TX. A, tỉnh Bình Định), Phan Thị Thu T1 (SN: 1979, trú KP. A Kiều, TT. H, huyện P, tỉnh Bình Định), Đặng T G (SN: 1962, trú B P, phường H, TX. A, Bình Định), Đinh Thị Mỹ H2 (SN: 1969, trú B P, phường H, TX. A, tỉnh Bình Định), Trương Thị H (SN: 1953, trú Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định), Phan Thị Mỹ H3 (SN: 1968, trú A P, phường H, TX. A, Bình Định), Đặng Thị T H4 (SN: 1985, trú 4 C, phường A, Quận C, TP .), Nguyễn Thị B L (SN: 1966,

trú C H, phường T, TP ., tỉnh Bình Định), Nguyễn Văn T2 (SN: 1971, trú C V, phường H, TX. A, tỉnh Bình Định), Nguyễn Văn D (SN: 1980, trú C V, phường H, TX. A, tỉnh Bình Định), Nguyễn Thị Kim H5 (SN: 1983, trú C V, phường H, TX. A, tỉnh Bình Định), Diệp Thị Ánh T3 (SN: 1970, trú A P, phường H, TX. A, tỉnh Bình Định), Nguyễn Thị Ánh T4 (SN: 1965, trú Tổ B, khu phố C, phường H, TP ., tỉnh Bình Định), Nguyễn Thị D1 (SN: 1960, trú 5 đường B, phường H, quận G, TP .) và Trần Thị Mỹ L1 (SN: 1971, trú 4 H, phường H, TX A, tỉnh Bình Định). Trần Thị T, Trương Văn Đ giao dịch mua bán vàng với khách hàng bằng hình thức trực tiếp, Trần Thị T sử dụng tài khoản A số 4303205008730 và S số 040011120808 của Trương Văn Đ và tài khoản A số 4300007111992 và A1 số 13072647 của Trương Gia M (SN: 1992, con của T, Đ) để trao đổi, mua bán vàng với khách hàng và với tiệm V2, chủ tiệm vàng tên Đặng Quang V, địa chỉ: F P, TP ., tỉnh Bình Định.

Quá trình kinh doanh, tiệm vàng xảy ra 02 vụ cướp giật tài sản và khi đại dịch Covid 19 xảy ra dẫn đến hoạt động kinh doanh đình trệ. Đồng thời, nhiều cá nhân đến rút tiền gốc nên nguồn vốn của tiệm V3. Trong khi đó, Trần Thị T, Trương Văn Đ vẫn phải trả lãi đều đặn cho các khoản vay đến hạn. Đến đầu năm 2019, khi không còn khả năng để trả nợ, Trần Thị T, Trương Văn Đ đã bàn bạc với nhau dùng thủ đoạn gian dối huy động tiền, vàng của nhiều người với mục đích duy trì, mở rộng hoạt động kinh doanh và hứa hẹn trả lãi suất từ 0,5 - 3,6%/tháng và thời hạn trả nợ là "khi nào cần thì lấy liền" để vay tiền, vàng của các cá nhân tại địa bàn thị xã A và huyện P, tỉnh Bình Định. Sau khi nhận tiền, vàng, Trần Thị T, Trương Văn Đ không thực hiện đúng như cam kết mà sử dụng để trả nợ gốc, lãi cho những khoản vay đến hạn và chi tiêu cho gia đình mà không dùng vào việc sản xuất kinh doanh. Để bị hại tin tưởng giao tiền, vàng, T và Đ đều viết biên nhận giao cho bị hại cất giữ và vẫn duy trì việc kinh doanh mua bán vàng bình thường nhằm che giấu việc làm ăn thua lỗ và các khoản nợ của nhiều người.

Đến giữa tháng 4/2023, do số tiền thâm hụt quá lớn, T và Đ không còn khả năng vay và không còn nguồn để trả nợ, nên Trần Thị T cắt hết liên lạc cá nhân, đi khỏi địa phương để trốn tránh việc trả nợ.

Bằng phương thức, thủ đoạn nêu trên, Trần Thị T và Trương Văn Đ đã huy động và chiếm đoạt tiền, vàng của 49 bị hại cụ thể sau:

**1. Đối với Đinh Thị Mỹ H**

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết với Đinh Thị Mỹ H do ở cùng địa phương. T, Đ với H phát sinh quan hệ vay mượn tiền từ tháng 8/2018AL. Đến tháng 9/2019AL, T, Đ nói với H cần vay tiền kinh doanh vàng, thỏa thuận miệng

lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ là khi nào cần lấy liền thì H đồng ý. H giao tiền mặt cho T, Đ tại tiệm vàng. Nhận tiền xong, T đều viết biên nhận giao cho H cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay của H 04 lần, cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 24/9/2019AL, T, Đ vay Hoa 50.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 44 tháng với số tiền 33.000.000đồng.

- Lần 02: Ngày 02/02/2020AL, T, Đ vay Hoa 50.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 35 tháng với số tiền 25.500.000đồng.

- Lần 03: Ngày 16/8/2020AL, T, Đ vay Hoa 145.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 31 tháng với số tiền 67.425.000đồng.

- Lần 04: Ngày 01/11/2021AL, T, Đ vay Hoa 94.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 16 tháng với số tiền 22.560.000đồng.

Từ ngày 24/9/2019AL đến 01/11/2021AL, T, Đ vay H 04 lần với tổng số tiền 339.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho H tổng số tiền 148.485.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của H số tiền 190.515.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**2. Đối với Võ Thị H S**

Vào tháng 12/2022AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ nói với S cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, thời hạn trả nợ là khi nào cần lấy liền thì S đồng ý. s giao tiền mặt cho T, Đ tại tiệm vàng. Nhận tiền xong, T, Đ đều viết giấy mượn tiền giao cho S cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay s 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 01: Ngày 29/12/2022AL, T, Đ vay s 200.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho S 02 tháng với số tiền 8.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 30/01/2023, T, Đ vay s 200.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ trả cho S 140.000.000đồng tiền gốc và 05 ngày tiền lãi với số tiền 670.000 đồng.

Từ ngày 29/12/2022AL đến 30/01/2023, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của S 02 lần với tổng số tiền 400.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ trả gốc 140.000.000đồng, trả lãi tổng số tiền 8.670.000đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của S số tiền 251.330.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**3. Đối với Phạm Thị Mỹ T**

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết với Phạm Thị Mỹ T do T là bạn học của Đ. Vào tháng 3/2022, T, Đ liên lạc nói với T cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất là 3,6%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì T đồng ý. T giao tiền cho T, Đ tại nhà T. Trần Văn Đ và Trương Gia M là người nhận tiền rồi viết giấy mượn tiền vào tờ lịch của T, sau đó T đến tiệm vàng đưa Trần Thị T ký tên. Với thỏa thuận như trên, T, Đ vay T 04 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 19/3/2022, T, Đ vay T 400.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho T 13 tháng với số tiền 18.720.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 28/3/2022, T, Đ vay T 800.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho T 13 tháng với số tiền 37.440.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 06/4/2022, T, Đ vay T 900.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho T 12 tháng với số tiền 38.880.000 đồng.

- Lần 04: Ngày 21/4/2022, T, Đ vay T 750.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho T 12 tháng với số tiền là: 32.400.000 đồng.

Từ ngày 19/3/2022 đến 21/4/2022, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Phạm Thị Mỹ T 04 lần với tổng số tiền 2.850.000.000 đồng, chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho T tổng số tiền 127.440.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của T 2.722.560.000 đồng sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**4. Đối với Trần Công C**

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết Trần Công C do C là thợ vàng tại Tiệm vàng Đồng Tín. Từ ngày 19/11/2022AL đến ngày 13/12/2022AL, C đến tiệm giao tiền cho T, Đ 02 lần để mua vàng, cụ thể:

- Lần 01: Vào ngày 19/11/2022AL, C mang số tiền 78.750.000đồng đến tiệm vàng gặp T, Đ mua 1,5 cây vàng nhẫn 98%, thỏa thuận thời gian giao vàng ngày 29/11/2022AL. T, Đ nhận tiền rồi viết biên nhận giao cho C cất giữ.

- Lần 02: Vào ngày 13/12/2022AL, C tiếp tục mang số tiền 78.750.000đồng đến tiệm vàng gặp T, Đ mua 1,5 cây vàng nhẫn 98%, thời gian giao vàng là 10 ngày. T, Đ nhận tiền rồi viết biên nhận giao cho C cất giữ.

Từ ngày 19/11/2022AL đến ngày 13/12/2022AL, C giao cho T, Đ số tiền 157.500.000 đồng để mua 03 cây vàng nhẫn 98%. Sau khi nhận tiền, T, Đ không giao vàng mà sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**5. Đối với Nguyễn Thị T D**

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết với Nguyễn Thị T D do ở cùng địa phương. Khoảng tháng 9/2020AL, T, Đ nói với D cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 01%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì D đồng ý. Các lần cho vay, D mang tiền mặt đến tiệm vàng giao T, Đ. Nhận tiền xong, T, Đ đều viết biên nhận giao cho D cất giữ. Với thỏa thuận như trên, T, Đ vay D 06 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 24/9/2020AL, T, Đ vay D 500.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho D 31 tháng với số tiền 155.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 15/10/2020AL, T, Đ vay D 200.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho D 30 tháng với số tiền 60.000.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 15/11/2020AL, T, Đ vay D 200.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho D 29 tháng với số tiền 58.000.000 đồng.

- Lần 04: Ngày 15/12/2020AL, T, Đ vay D 200.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho D 28 tháng với số tiền 56.000.000 đồng.

- Lần 05: Ngày 04/3/2022AL, T, Đ vay D 600.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho D 13 tháng với số tiền 78.000.000 đồng.

- Lần 06: Ngày 04/4/2022AL, T, Đ vay D 200.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho D 12 tháng với số tiền 24.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 24/9/2020AL đến ngày 04/4/2022AL, T, Đ vay D 06 lần với tổng số tiền 1.900.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho D tổng số tiền 431.000.000 đồng. Do đó, T, Đ chiếm đoạt của D số tiền 1.469.000.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**6. Đối với Trương Thị Cúc**

Trương Văn Đ có quan hệ họ hàng với Trương Thị Cúc. Vào ngày 12/5/2019AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ nói với Cúc cần vay vàng để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 150.000đồng/cây/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì Cúc đồng ý. Sau đó, Cúc mang 05 cây vàng nhẫn 98%, có giá trị 186.690.000 đồng đến tiệm vàng giao cho T, Đ. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi được 45 tháng với số tiền 33.750.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của bà Cúc số tiền 152.940.000 đồng sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**7. Đối với Võ Thị M Thúy**

Trương Văn Đ có quan hệ họ hàng với chồng Võ Thị M Thúy. Vào ngày 10/12/2021AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ liên lạc hỏi mượn Thúy 04 cây vàng nhẫn 98%, có giá trị 213.248.000 đồng với mục đích mua nhà ở TP Hồ Chí M, thời hạn trả nợ khi nào cần thì lấy liền thì Thúy đồng ý. Sau đó, Trương Văn Đ đến nhà Thúy lấy vàng rồi cùng Thúy đến tiệm vàng lấy biên nhận do Trần Thị T viết giao cho Thúy cất giữ. Đến ngày 10/2N/2023AL, Thúy đến tiệm vàng Đồng Tín để lấy lại vàng để xây nhà thì T, Đ trả cho Thúy số tiền 18.000.000đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của Thúy số tiền 195.248.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**8. Đối với Trương Thị Đ**

Trương Văn Đ có quan hệ họ hàng với Trương Thị Đ. Vào ngày 15/11/2020AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ hỏi vay của Trương Thị Đ 50 chỉ vàng nhẫn 98%, có giá trị 269.500.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1.100.000đồng/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì Đ đồng ý. Sau đó, Trương Thị Đ mang vàng đến tiệm vàng giao cho Trần Thị T, Trương Văn Đ. Nhận vàng xong, Trương Văn Đ viết biên nhận giao cho Đ cất giữ. Sau khi vay,

T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho Đ 28 tháng với số tiền là 30.800.000đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của Đ số tiền 238.700.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**9. Đối với Nguyễn Thị T**

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết với Nguyễn Thị T do T đến tiệm vàng Đồng Tín mua vàng. Vào ngày 15/7/2020AL, T, Đ hỏi vay của T 11 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 573.496.000 đồng, thỏa thuận lãi là 2.500.000đồng/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì T đồng ý. Sau đó, T mang 11 cây vàng đến tiệm vàng giao cho T, Đ. Nhận vàng xong, T viết biên nhận giao cho T cất giữ. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 32 tháng với số tiền 80.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của T số tiền 493.496.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**10. Đối với Đặng T G**

Trương Văn Đ là em rể của Đặng T G. Trần Thị T, Trương Văn Đ và G phát sinh vay mượn vàng từ tháng 6/2016. Đến tháng 6/2019, T, Đ nói với G cần vay vàng để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 200.000đồng/cây/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần thì lấy lại thì G đồng ý. G giao vàng cho T, Đ tại tiệm vàng và Trương Văn Đ viết biên nhận giao cho G. Khi Đặng T G cho vay thêm thì Trương Văn Đ viết biên nhận mới, lấy lại biên nhận cũ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay của G 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Tháng 6/2019, T, Đ vay của G 05 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 186.690.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 45 tháng với số tiền 45.000.000đ.

- Lần 02: Ngày 30/6/2021, T, Đ vay của G 03 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 151.704.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 21 tháng với số tiền 12.600.000đ.

Như vậy, từ tháng 6/2019 đến ngày 30/6/2021, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Đặng T G 08 cây vàng nhẫn 98%, có giá trị 338.394.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi số tiền 57.600.000đ. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của G số tiền 280.794.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**11. Đối với Văn Thị T**

Trương Văn Đ có quan hệ họ hàng với chồng của Văn Thị T. Vào tháng 3/2020AL, T, Đ nói với T cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần thì lấy liền thì T đồng ý. T giao tiền cho T, Đ tại tiệm vàng và Trần Thị T đều viết biên nhận giao cho T cất giữ. Với thỏa thuận như trên, T, Đ đã vay của T 18 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 01/3/2020AL, T, Đ vay T 50.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 36 tháng với số tiền 27.000.000đ.

- Lần 02: Ngày 27/8/2020AL, T, Đ vay T 42.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 31 tháng với số tiền 19.530.000đ.

- Lần 03: Ngày 29/8/2020AL, T, Đ vay T 30.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 31 tháng với số tiền 13.950.000đ.

- Lần 04: Ngày 27/10/2020AL, T, Đ vay T 100.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 29 tháng với số tiền 43.500.000đ.

- Lần 05: Ngày 27/4/2021AL, T, Đ vay T 90.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 23 tháng với số tiền 31.050.000đ.

- Lần 06: Ngày 28/12/2021AL, T, Đ vay T 43.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 15 tháng với số tiền 9.675.000đ.

- Lần 07: Ngày 23/01/2022AL, T, Đ vay T 60.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 14 tháng với số tiền 12.600.000đ.

- Lần 08: Ngày 25/02/2022AL, T, Đ vay T 70.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 13 tháng với số tiền 13.650.000đ.

- Lần 09: Ngày 02/6/2022AL, T, Đ vay T 80.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 09 tháng với số tiền10.800.000đ.

- Lần 10: Ngày 28/7/2022AL, T, Đ vay T 80.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 08 tháng với số tiền 9.600.000đ.

- Lần 11: Ngày 28/8/2022AL, T, Đ vay T 100.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 07 tháng với số tiền 10.500.000đ.

- Lần 12: Ngày 25/9/2022AL, T, Đ vay T 85.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 06 tháng với số tiền 7.650.000đ.

- Lần 13: Ngày 15/10/2022AL, T, Đ vay T 110.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 05 tháng với số tiền 8.250.000đ.

- Lần 14: Ngày 04/11/2022AL, T, Đ vay T 95.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ trả gốc 10.000.000đ vào tháng 12/2022AL, trả lãi 04 tháng (01 tháng cho khoản vay 95.000.000đ, 03 tháng cho khoản vay 85.000.000đ) với số tiền 5.250.000đ.

- Lần 15: Ngày 15/11/2022AL, T, Đ vay T 40.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 04 tháng với số tiền 2.400.000đ.

- Lần 16: Ngày 26/11/2022AL, T, Đ vay T 75.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 04 tháng với số tiền 4.500.000đ.

- Lần 17: Ngày 23/01/2023AL, T, Đ vay T 100.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 02 tháng với số tiền 3.000.000đ.

- Lần 18: Ngày 02/02/2023AL, T, Đ vay T 160.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 01 tháng với số tiền 2.400.000đ.

Như vậy, từ ngày 01/3/2020AL đến 02/02/2023AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Văn Thị T tổng số tiền 1.410.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ trả gốc 10.000.000 đồng, trả lãi tổng số tiền 235.305.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của T số tiền 1.164.695.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**12. Đối với Nguyễn Văn T**

Trương Văn Đ có quan hệ họ hàng với Nguyễn Văn T. Trần Thị T, Trương Văn Đ phát sinh vay mượn tiền, vàng với Nguyễn Văn T từ lâu và đã tất toán xong, T, Đ không nhớ số tiền đã vay và trả lãi. Đến tháng 01/2022AL, T, Đ tiếp tục nói với T cần vay tiền, vàng để kinh doanh, thỏa thuận có lãi suất và thời hạn trả nợ là khi nào cần lấy liền thì T đồng ý. T giao tiền, vàng cho T, Đ tại tiệm vàng. Các lần vay, T đều viết biên nhận giao cho T cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ đã vay của T 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 15/01/2022AL, T, Đ vay T 03 cây vàng nhẫn 98%, lãi suất 7.200.000 đồng/năm. Sau khi vay, ngày 15/01/2023AL, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 7.200.000 đồng.

- Lần 02: Vào ngày 22/3/2023, T, Đ vay T 100.000.000 đồng, lãi suất 600.000 đồng/tháng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi.

Như vậy, từ ngày 15/01/2022AL đến 22/3/2023, T, Đ vay T 03 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 161.553.000 đồng và 100.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 7.200.000đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của T 254.353.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**13. Đối với Nguyễn Văn X**

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết Nguyễn Văn X do đến tiệm vàng Đồng Tín mua bán vàng. Tháng 5/2020AL, T, Đ nói với X cần vay vàng kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 200.000 đồng/cây/tháng, thời hạn trả khi nào cần lấy liền thì X đồng ý. X giao vàng cho T, Đ tại tiệm vàng. Nhận vàng xong, T đều viết biên nhận giao cho X cất giữ. Khi vay thêm, T viết biên nhận mới, lấy lại biên nhận cũ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay của X 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Tháng 5/2020AL, T, Đ vay X 03 cây vàng nhẫn 98%. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi được 24 tháng với số tiền 14.400.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 15/5/2022AL, T, Đ vay X 1,5 cây vàng nhẫn 98%. T, Đ nhận vàng rồi viết biên nhận mới, lấy lại biên nhận cũ. Sau khi vay, T trả gốc 02 cây vàng nhẫn 98%, trả lãi số tiền 5.600.000 đồng.

Như vậy, tháng 5/2020AL đến ngày 15/5/2022AL, T, Đ vay X 4,5 cây vàng nhẫn 98%. Sau khi vay, T, Đ đã trả gốc 02 cây vàng nhẫn 98% (2,5 cây vàng

nhẫn 98% có giá trị 130.046.000 đồng) và tổng tiền lãi là 20.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của X 110.046.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**14. Đối với Nguyễn Thị Lang**

Trương Văn Đ có quan hệ họ hàng với Nguyễn Thị Lang. Vào ngày 06/02/2023AL, T, Đ nói với Lang cần vay vàng kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 01 chỉ/01 cây/năm, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy lại thì Lang đồng ý. Sau đó, Lang mang 02 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 106.036.000 đồng đến tiệm vàng giao cho T, Đ. Nhận vàng xong, T viết biên nhận giao cho Lang cất giữ. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi. Do đó, T, Đ chiếm đoạt của Lang số tiền 106.036.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**15. Đối với Phạm Thị C**

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết với Phạm Thị C do C đến tiệm vàng Đồng Tín mua vàng. Năm 2012, T, Đ và C phát sinh quan hệ vay mượn tiền, vàng và đã tất toán xong. Hiện T, Đ không nhớ số tiền, vàng đã vay và số tiền lãi đã trả cho bà C. Đến tháng 02/2023AL, T, Đ liên lạc nói với C cần vay tiền, vàng để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất đối với tiền là 01%/tháng, đối với vàng là 200.000đ/cây/tháng thì C đồng ý. C giao tiền, vàng cho T, Đ tại tiệm vàng. Các lần vay, T đều viết biên nhận giao cho C cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay của C 04 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 13/02N/2023AL, T, Đ vay C 300.000.000đ. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi.

- Lần 02: Ngày 16/02N/2023AL, T, Đ vay C 50.000.000đ. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi.

- Lần 03: Ngày 19/02N/2023AL, T, Đ vay C 01 cây vàng SJC. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi.

- Lần 04: Ngày 22/02N/2023AL, T, Đ vay C 30.000.000đ. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi.

Như vậy, từ ngày 13/02N/2023AL đến ngày 22/02N/2023AL, T, Đ vay C 380.000.000đ và 01 cây vàng SJC có giá trị 67.057.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi. Do đó, T, Đ chiếm đoạt của C số tiền 447.057.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**16. Đối với Nguyễn Thị Thu H**

Trần Thị T, Trương Văn Đ chỉ quen biết với Nguyễn Thị Thu H do mẹ của H là hàng xóm với T, Đ. Tháng 7/2021AL, T, Đ liên lạc với H nói cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì H đồng ý. H giao tiền cho T, Đ tại tiệm vàng. Nhận tiền xong, T đều viết biên

nhận rồi cùng Đ ký tên, giao cho H cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ đã vay của H 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 16/7/2021AL, T, Đ vay H 210.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 19 tháng với số tiền là 59.850.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 11/11/2021AL, T, Đ vay H 130.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ trả gốc 100.000.000 đồng, trả lãi 13 tháng với số tiền 25.350.000 đồng; trả lãi 02 tháng (số tiền gốc 30.000.000 đồng) với số tiền là 900.000 đồng.

Sau khi Trần Thị T bỏ trốn, Trương Văn Đ trả cho H 2.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 16/7/2021AL đến 11/11/2021AL, T, Đ vay H tổng số tiền 340.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ trả gốc 100.000.000 đồng, trả lãi tổng số tiền 88.100.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của H số tiền 151.900.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**17. Đối với Nguyễn Thị B, sinh năm: 1976**

Trần Thị T, Trương Văn Đ không có quan hệ bà con họ hàng, chỉ quen biết với bà B do ở cùng địa phương. Vào ngày 02/10/2022AL, T, Đ liên lạc với B nói cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 01%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì B đồng ý. Trong ngày, B mang số tiền 260.000.000 đồng đến tiệm vàng giao cho T, Đ. Nhận tiền xong, T viết biên nhận giao cho B cất giữ. Sau khi vay, T, Đ trả gốc 163.000.000 đồng, trả lãi 02 tháng (khoản vay 97.000.000 đồng) với số tiền là 1.940.000 đồng. Sau khi T bỏ trốn, ông Đ trả cho B thêm 4.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của B 91.060.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

**18. Đối với Tống Thị Ngọc**

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết với Tống Thị Ngọc do Ngọc đến tiệm vàng Đồng Tín mua bán vàng. Vào ngày 21/10/2022AL, T, Đ liên lạc nói với Ngọc cần vay tiền để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì Ngọc đồng ý. Sau đó, Ngọc mang tiền mặt 800.000.000 đồng đến tiệm vàng giao cho T, Đ. Nhận tiền xong, Trần Thị T viết giấy mượn tiền giao cho Ngọc cất giữ. Sau khi vay, T, Đ trả gốc 100.000.000 đồng, trả lãi 03 tháng với tổng số tiền 47.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của Ngọc số tiền 653.000.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**19. Đối với Trương Văn Vinh**

Trương Văn Đ có quan hệ họ hàng với Trương Văn Vinh. Vào ngày 27/3/2022, Trần Thị T, Trương Văn Đ nói với Vinh cần vay 800.000.000 đồng để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 10.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy lại thì Vinh đồng ý. Trong ngày, Vinh mang số tiền 800.000.000 đồng đến tiệm vàng giao cho T, Đ. Do quan hệ bà con, Vinh không yêu cầu viết

giấy mượn tiền hay biên nhận. Đến khi Trần Thị T bỏ trốn khỏi địa phương, Vinh mới yêu cầu Trương Văn Đ viết biên nhận giao cho Vinh cất giữ. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 13 tháng với số tiền 130.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của Vinh số tiền 670.000.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**20. Đối với Phan Hữu Phúc**

Trần Thị T, Trương Văn Đ chỉ quen biết với Phúc do ở cùng địa phương. Tháng 11/2022, T, Đ liên lạc nói với Phúc cần 1.000.000.000 đồng để làm thủ tục lấy 02 sổ đỏ (tiệm vàng và lô đất tại khu tái định cư số 1 thuộc phường Nhơn T, thị xã A Nhơn, tỉnh Bình Định) đang thế chấp vay tại Agribank - CN Đập Đá, rồi bán lại cả hai cho Phúc thì Phúc đồng ý. Sau đó, Trương Văn Đ đến nhà Phúc nhận tiền mặt, ký giấy vay tiền giao cho Phúc cất giữ. Sau khi nhận tiền, T, Đ không làm thủ tục lấy 02 sổ đỏ mà chiếm đoạt của anh Phúc 1.000.000.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**21. Đối với Nguyễn Văn Hùng**

Trần Thị T, Trương Văn Đ chỉ quen biết Hùng do hay đến chùa cúng. Trần Thị T, Trương Văn Đ và Hùng phát sinh quan hệ vay tiền từ đầu năm 2022 và đã tất toán xong. T, Đ không nhớ số tiền đã vay và tiền lãi đã trả. Đến tháng 01/2023AL, T, Đ nói với Hùng cần vay tiền để hoạt động kinh doanh, thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì Hùng đồng ý. Hùng giao tiền cho T, Đ tại tiệm vàng. Nhận tiền xong, T đều viết biên nhận giao cho Hùng cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ đã vay tiền của Hùng 03 lần, cụ thể:

- Lần 01: Vào ngày 15/01/2023AL, T, Đ vay Hùng 300.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi cho Hùng.

- Lần 02: Vào ngày 20/02/2023AL, T, Đ vay Hùng 30.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi cho Hùng.

- Lần 03: Vào ngày 15/02N/2023AL, T, Đ vay Hùng 40.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi cho Hùng.

Sau khi Trần Thị T bỏ trốn, Nguyễn Thị Hoa trả cho Hùng 2.000.000đồng.

Như vậy, từ ngày 15/01/2023AL đến ngày 15/02N/2023AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Nguyễn Văn Hùng 03 lần với tổng số tiền 370.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ trả cho Hùng 2.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của Hùng số tiền 368.000.000 đồng sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**22. Đối với Lê Thị Hai**

Trần Thị T, Trương Văn Đ không quen biết với Lê Thị Hai do đến tiệm vàng Đồng Tín mua bán vàng. Tháng 3/2022, T, Đ hỏi vay tiền của Hai để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì

Hai đồng ý. Lê Thị Hai giao tiền cho T, Đ tại tiệm vàng. Nhận tiền xong, T đều viết biên nhận giao cho Hai cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ đã vay của Hai 03 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 09/3/2022, T, Đ vay Hai 40.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 13 tháng với số tiền 7.800.000 đồng.

- Lần 02: Tháng 5/2022, T, Đ vay Hai 50.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 11 tháng với số tiền 8.250.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 08/12/2022AL, T, Đ vay Hai 80.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 04 tháng với số tiền là 4.800.000 đồng.

Sau khi T bỏ trốn, Nguyễn Thị Hoa trả cho Hai số tiền là 4.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 09/3/2022 đến 08/12/2022AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Lê Thị Hai Hai 03 lần với tổng số tiền là 170.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi tổng số tiền là 24.850.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của Hai số tiền 145.150.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**23. Đối với Bùi Thị Sáu**

Trương Văn Đ có quan hệ họ hàng với bà Sáu. Vào ngày 28/4/2020AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ hỏi Bùi Thị Sáu cần vay vàng kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 01%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì Sáu đồng ý. Sau đó, Bùi Thị Sáu mang số tiền 120.000.000 đồng đến tiệm vàng giao cho T, Đ. Nhận tiền xong, T viết biên nhận giao cho Sáu cất giữ. Sau khi vay, T, Đ trả cho Sáu 10.000.000đ tiền gốc, trã lãi được 34 tháng với tổng số tiền 40.600.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của bà Sáu số tiền 69.400.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**24. Đối với Đặng Thị T H**

Trương Văn Đ là cậu ruột của Đặng Thị T H. Trần Thị T, Trương Văn Đ và H phát sinh quan hệ vay mượn tiền từ tháng 6/2018. Đến tháng 4/2019, T, Đ liên lạc với H nói cần vay tiền để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ là khi nào cần thì lấy liền thì H đồng ý. H giao tiền vàng cho T, Đ bằng hình thức giao trực tiếp tại tiệm vàng hoặc chuyển khoản qua tài khoản của Sacombank số 040011120808 của Đ và tài khoản tại Ngân hàng ACB số 13072647 của Trương Gia M. Nhận tiền xong, T đều viết biên nhận giao cho H cất giữ. Sau khi vay, T, Đ tính lãi rồi cộng vào gốc, rồi viết biên nhận mới giao cho H cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay của H 09 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 05/4/2019, T, Đ vay H 182.500.000 đồng bằng hình thức H sử dụng tài khoản ACB số 211935709 của chồng H tên Bùi Huy Quyền chuyển khoản số tiền trên đến tài khoản Sacombank của ông Đ.

- Lần 02: Ngày 03/6/2019, T, Đ vay H 146.000.000 đồng bằng hình thức H sử dụng tài khoản ACB số 211935709 của chồng H tên Bùi Huy Quyền chuyển khoản số tiền trên đến tài khoản Sacombank của ông Đ.

- Lần 03: Ngày 29/8/2019, T, Đ vay H 464.000.000 đồng bằng hình thức H sử dụng tài khoản ACB số 211935709 của chồng H tên Bùi Huy Quyền chuyển khoản số tiền trên đến tài khoản Sacombank của ông Đ.

- Lần 04: Ngày 30/12/2019, T, Đ vay H 400.000.000 đồng bằng hình thức H sử dụng tài khoản ACB số 211935709 của chồng H tên Bùi Huy Quyền chuyển khoản số tiền trên đến tài khoản Sacombank của ông Đ.

- Lần 05: Ngày 30/6/2020, T, Đ vay H 122.500.000 đồng bằng hình thức H sử dụng tài khoản ACB số 211935709 của chồng H tên Bùi Huy Quyền chuyển khoản số tiền trên đến tài khoản Sacombank của ông Đ.

- Lần 06: Ngày 30/9/2020, T, Đ vay H 95.000.000 đồng bằng hình thức H sử dụng tài khoản ACB số 211935709 của chồng H tên Bùi Huy Quyền chuyển khoản số tiền trên đến tài khoản Sacombank của ông Đ.

- Lần 07: Ngày 30/12/2021, T, Đ vay H 276.500.000 đồng. Trong ngày, H mang tiền mặt đến nhà giao cho T, Đ.

- Lần 08: Ngày 19/01/2023, T, Đ vay H 267.500.000 đồng bằng hình thức H sử dụng tài khoản ACB số 211935709 của chồng H tên Bùi Huy Quyền chuyển khoản số tiền trên đến tài khoản ACB số 13072647 của Trương Gia M.

Đến ngày 08/02/2023, T, Đ và vợ chồng H cùng nhau tính lãi và gốc chốt nợ lại 3.294.000.000 đồng; 30 cây vàng SJC và 05 cây vàng nhẫn 98%. Đồng thời, T viết giấy vay tiền giao cho H cất giữ.

Như vậy, từ ngày 05/4/2019 đến ngày 19/01/2023, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Đặng Thị T H 08 lần với tổng số tiền 1.954.800.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**25. Đối với Trần Thị L**

Trần Thị T, Trương Văn Đ chỉ quen biết với L do đến tiệm của T, Đ mua vàng. Vào ngày 20/5/2022AL, T, Đ hỏi vay của bà L 05 cây vàng SJC 9999, 02 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 448.491.000 đồng và 250.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4.000.000đồng/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì L đồng ý. Sau đó, L mang số tiền, vàng trên đến tiệm vàng giao cho T, Đ. Nhận tiền, vàng xong, T viết biên nhận giao cho L cất giữ. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trã lãi đều đặn đến tháng 02/2023AL (09 tháng) với tổng số tiền 36.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của L số tiền 662.491.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**26. Đối với Phan Thị Mỹ H**

Trần Thị T, Trương Văn Đ chỉ quen biết với Phan Thị Mỹ H do ở cùng địa phương. Trần Thị T, Trương Văn Đ và H phát sinh quan hệ vay mượn tiền từ tháng 3/2018AL. Đến tháng 11/2020AL, T, Đ nói với bà H cần vay tiền kinh doanh và đáo hạn ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 02-03%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì H đồng ý. Địa điểm giao nhận tiền là tiệm vàng hoặc nhà H do Trương Văn Đ hoặc Trương Gia M đi nhận tiền. Sau khi nhận tiền, T đều viết biên nhận giao cho H cất giữ. Với thỏa thuận trên T, Đ đã vay của H 05 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 12/11/2020AL, T, Đ vay H 500.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay, vợ chồng tôi chưa trả gốc, trả lãi được 18 tháng với số tiền 180.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 29/5/2021AL, T, Đ vay H 500.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi được 13 tháng với số tiền 120.000.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 23/12/2021AL, T, Đ vay H 200.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi được 06 tháng với số tiền 24.000.000 đồng.

- Lần 04: Ngày 12/4/2022AL, T, Đ vay H 500.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi được 02 tháng với số tiền 20.000.000 đồng.

- Lần 05: Ngày 03/8/2022, T, Đ vay H 1.500.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, lãi.

Như vậy, từ ngày 12/11/2020AL đến 03/8/2022AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Phan Thị Mỹ H 05 lần tổng số tiền 3.200.000.000 đồng. Sau khi vay T, Đ chưa trả gốc, trả lãi tổng số tiền 354.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của bà H 2.846.000.000 đồng sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**27. Đối với H Thị L**

Trần Thị T, Trương Văn Đ chỉ quen biết với H Thị L do đến tiệm của T mua vàng. Khi đó, T, Đ nói với L cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì L đồng ý. L giao tiền cho T, Đ tại tiệm vàng. Sau khi nhận tiền, T đều viết biên nhận giao cho L cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay L 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 21/3/2021AL, T T, Đ vay L 300.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi 23 tháng với số tiền: 69.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 20/11/2021AL, T, Đ vay L 480.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi cho L nhiều lần với số tiền 47.600.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 21/3/2021AL đến ngày 20/11/2021AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của L tổng số tiền 780.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 116.600.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của L 663.400.000 đồng sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**28. Đối với Dương Thị Thu T**

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết với Dương Thị Thu T do có quan hệ bà con với Đ. Khoảng tháng 6/2021AL, T, Đ hỏi T cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì T đồng ý. T giao tiền cho T, Đ tại tiệm vàng. Nhận tiền xong, T đều viết biên nhận giao cho T cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay T 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Tháng 6/2021AL, T, Đ vay T 50.000.000đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi đến tháng 10/2022AL (16 tháng) với số tiền là 8.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 01/10/2022AL, T, Đ vay T 100.000.000 đồng. Nhận tiền xong, T viết biên nhận mới là 150.000.000 đồng giao cho T, đồng thời lấy lại biên nhận cũ. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi đến tháng 1/2023AL (03 tháng) với số tiền là 4.500.000 đồng.

Sau khi T bỏ trốn, Nguyễn Thị Hoa trả cho T số tiền là 6.000.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 6/2021AL đến 01/10/2022AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay T tổng số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi tổng số tiền 18.500.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của T số tiền 131.500.000 đồng sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**29. Đối với Trần Văn H**

Trần Thị T, Trương Văn Đ chỉ quen biết với H do ở cùng địa phương. Giữa T, Đ và ông H phát sinh quan hệ vay mượn tiền vàng từ lâu và đã tất toán xong. T, Đ không nhớ số tiền đã vay và trả lãi cho ông H. Đến tháng 12/2020AL, T, Đ nói với H cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì H đồng ý. H giao tiền cho T, Đ tại tiệm vàng. Sau khi nhận tiền, T đều viết biên nhận giao cho H cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay H 05 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 27/12/2020AL, T, Đ vay H 160.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ trả gốc 10.000.000 đồng, trả lãi tổng số tiền 57.600.000đồng.

- Lần 02: Ngày 24/4/2022AL, T, Đ vay H 150.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ trả gốc 94.500.000 đồng, trả lãi tổng số tiền 12.675.000đồng.

- Lần 03: Ngày 09/6/2022, T, Đ vay H 70.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi tổng số tiền 9.450.000đồng.

- Lần 04: Ngày 12/6/2022, T, Đ vay H 100.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi tổng số tiền 13.500.000đồng.

- Lần 05: Ngày 15/6/2022, T, Đ vay H 40.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, trả lãi tổng số tiền 5.400.000đồng.

Như vậy, từ ngày 27/12/2020AL đến 15/6/2022, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Trần Văn H tổng số tiền 520.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ trả gốc tổng số tiền 104.500.000 đồng, trả lãi tổng số tiền 98.625.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của H số tiền 316.875.000 đồng sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**30. Đối với Nguyễn Thị Kim K**

Vào tháng 6/2019AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ nói với Nguyễn Thị Kim K cần vay tiền kinh doanh vàng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì K đồng ý. K giao tiền cho T, Đ tại tiệm vàng. Sau khi nhận tiền, T đều viết biên nhận giao cho K cất giữ. Với thỏa thuận trên, T, Đ vay của K 04, cụ thể:

- Lần 01: Tháng 6/2019AL, T, Đ vay K 300.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 46 tháng với số tiền 207.000.000 đồng.

- Lần 02: Tháng 6/2020AL, T, Đ vay K 200.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 34 tháng với số tiền 102.000.000 đồng.

- Lần 03: Tháng 6/2021AL, T, Đ vay K 300.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 22 tháng với số tiền 99.000.000 đồng.

- Lần 04: 15/5/2022AL, T, Đ vay K 200.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi 10 tháng với số tiền 30.000.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 6/2019AL đến ngày 15/5/2022AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Nguyễn Thị Kim K tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi tổng số tiền 438.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của K số tiền 562.000.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ngoài những bị hại nêu trên, Trần Thị T đã thực hiện một mình việc huy động và chiếm đoạt tiền, vàng của 19 bị hại:

**31. Đối với Nguyễn Thị L**

Trần Thị T quen biết với Nguyễn Thị L do ở cùng địa phương. Khoảng tháng 6/2020AL, T nói với L cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì L đồng ý. L giao tiền cho T tại tiệm vàng và khi nhận tiền T đều viết biên nhận giao cho L cất giữ. Với thỏa thuận trên, T vay L 03 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 18/6/2020AL, T vay L 120.000.000 đồng. Sau khi vay, T trả gốc 46.000.000 đồng, trả lãi được 19 tháng (khoản vay 120.000.000 đồng) với số tiền 34.200.000 đồng và 01 tháng (khoản vay 100.000.000 đồng) với số tiền 1.500.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 18/01/2021AL, T vay L 20.000.000 đồng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi 21 tháng với số tiền 6.300.000 đồng.

- Lần 03: Ngày 28/5/2022AL, T vay L 20.000.000 đồng với lãi suất như trên và thời hạn trả nợ là 01 năm. Sau khi vay, T chưa trả gốc, lãi.

Đến ngày 18/12/2022AL, Trần Thị T viết biên nhận mới, lấy lại biên nhận cũ.

Như vậy, từ ngày 18/6/2020AL đến 28/5/2022AL, Trần Thị T vay của Nguyễn Thị L 03 lần với tổng số tiền 160.000.000 đồng. Sau khi vay, T trả gốc 46.000.000 đồng, trả lãi 42.000.000 đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của L số tiền 72.000.000 đồng sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**32. Đối với Đinh Thị Như K**

Trần Thị T không quen biết với Đinh Thị Như K do ở cùng địa phương. Khoảng tháng 10/2019AL, T nói với K cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả tiền là khi nào cần thì lấy liền thì K đồng ý. K giao tiền cho T tại tiệm vàng. Nhận tiền xong, T đều viết biên nhận giao cho K cất giữ. Với thỏa thuận trên, T đã vay của K 03 lần, cụ thể:

- Lần 01: Khoảng tháng 10/2019AL, T vay K 30.000.000đồng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi được 36 tháng với số tiền 16.200.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 10/10/2022AL, T vay K 33.800.000 đồng. T nhận tiền rồi viết biên nhận mới giao cho K với số tiền 80.000.000đồng, lấy lại biên nhận cũ (cộng với tiền gốc cũ 30.000.000đồng và 16.200.000đồng tiền lãi). Sau khi vay, T chưa trả gốc, lãi.

- Lần 03: Ngày 10/12/2022AL, T vay K 400.000.000 đồng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, lãi.

Sau khi Trần Thị T bỏ trốn, Trương Văn Đ trả cho K 2.000.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 10/2019AL đến 10/12/2022AL, Trần Thị T vay của Đinh Thị Như K 03 lần với tổng số tiền 463.800.000 đồng. Sau khi vay, T trả lại cho K tổng số tiền 18.200.000 đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của K số tiền 445.600.000 đồng sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**33. Đối với Nguyễn Thị B, sinh năm: 1971**

Trần Thị T quen biết với Nguyễn Thị B do ở cùng địa phương. Vào tháng 02/2022AL, T nói với B cần vay tiền, vàng kinh doanh, thỏa thuận lãi suất đối với tiền là 1,5%/tháng, đối với vàng 200.000đồng/01 cây/tháng, thời hạn trả nợ

khi nào cần lấy lại thì B đồng ý. B giao tiền, vàng cho T tại tiệm vàng. Sau khi nhận tiền vàng, T đều viết biên nhận giao cho B cất giữ. Với thỏa thuận trên, T đã vay của B 03 lần, cụ thể:

- Lần 01: Vào ngày 03/02/2022AL, T vay B 70.000.000 đồng. Sau khi vay, T trả gốc 20.000.000đồng, trả lãi tổng số tiền là: 12.750.000 đồng.

- Lần 02: Vào ngày 21/02/2022AL, T vay B 70.000.000 đồng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi 13 tháng với số tiền 13.650.000đồng.

- Lần 03: Vào ngày 27/12/2022AL, T vay B 05 cây vàng nhẫn 98%. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi 03 tháng với số tiền 3.000.000đồng.

Như vậy, từ ngày 03/02/2022AL đến 27/12/2022AL, Trần Thị T vay của Nguyễn Thị B 140.000.000 đồng và 05 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 265.126.750 đồng. Sau khi vay, T trả gốc 20.000.000 đồng, trả lãi 29.400.000 đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của B số tiền 355.726.750 đồng sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**34. Đối với Nguyễn Thị L**

Trần Thị T và Nguyễn Thị L có quan hệ họ hàng. Vào ngày 11/4/2022, T nói với L cần vay vàng kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 01 chỉ/01 cây/năm, thời hạn trả nợ khi nào cần thì lấy liền thì L đồng ý. Trong ngày, L mang 01 cây 05 chỉ vàng nhẫn 98% đến tiệm vàng giao cho T. Nhận vàng xong, T viết biên nhận giao cho L cất giữ. Sau khi vay, T chưa trả gốc, lãi gì cả. Do đó, T chiếm đoạt của L 01 cây 05 chỉ vàng nhẫn 98% có giá trị 81.438.000 đồng sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**35. Đối với Nguyễn Văn L**

Trần Thị T và Nguyễn Văn L có quan hệ họ hàng. Vào ngày 10/01/2022AL, T nói với L cần vay vàng để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 01 chỉ vàng/01 cây vàng/năm và thời hạn trả nợ là khi nào cần lấy liền thì L đồng ý. Sau đó, L mang 10 cây vàng nhẫn 98% đến tiệm vàng giao cho T. Nhận vàng xong, T viết biên nhận giao cho L cất giữ. Sau khi vay, T trả gốc 02 cây vàng nhẫn 98%, trả lãi 08 chỉ vàng nhẫn. Do đó, T còn chiếm đoạt của L 07 cây 02 chỉ vàng nhẫn 98%, có giá trị 387.727.200 đồng sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**36. Đối với L Thị N**

Trần Thị T chỉ quen biết với L Thị N do ở gần nhà. Từ ngày 25/12/2022AL đến ngày 28/01/2023AL, L Thị N có giao cho T 02 lần tổng số tiền 95.400.000 đồng để mua 01 cây 08 chỉ vàng nhẫn 98%, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 25/12/2022AL, N giao cho T số tiền 53.000.000 đồng để mua 01 cây vàng nhẫn 9T8. T nhận tiền rồi viết biên nhận giao cho N.

- Lần 02: Ngày 28/01/2023AL, N giao cho T số tiền 42.400.000 đồng để mua thêm 08 chỉ vàng nhẫn 9T8. T nhận tiền rồi viết biên nhận mới giao cho N, đồng thời lấy lại biên nhận cũ.

Như vậy, từ ngày 25/12/2022AL đến ngày 28/01/2023AL, Trần Thị T nhận của L Thị N tổng số tiền 95.400.000 đồng để bán cho N 01 cây 08 chỉ vàng nhẫn 98%. Sau khi nhận tiền, T không giao vàng cho N, mà chiếm đoạt 95.400.000 đồng sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**37. Đối với Nguyễn Thị Hoa**

Trần Thị T và Nguyễn Thị Hoa do có quan hệ họ hàng. Vào ngày 30/01/2023AL, T liên lạc nói với Hoa cần vay 08 cây vàng nhẫn 98% để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 01 chỉ vàng 98%/cây/năm, thời hạn trả nợ khi nào cần đến lấy lại thì Hoa đồng ý. Sau đó, Hoa mang 08 cây vàng nhẫn 98% đến tiệm vàng giao cho T. Nhận vàng xong, T viết biên nhận giao cho Hoa cất giữ. Sau khi vay, T chưa trả gốc, lãi cho Hoa. Do đó, T chiếm đoạt của Hoa 08 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 424.144.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**38. Đối với Nguyễn Thị T**

Trần Thị T quen biết với Nguyễn Thị T thông qua các mối quan hệ xã hội. Đến tháng 12/2022, T liên lạc với T nói cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn trả tiền là khi nào cần thì lấy liền thì T đồng ý. Vào ngày 19/12/2022, T yêu cầu T chuyển khoản đến tài khoản Agribank của Trương Gia M 300.000.000 đồng thì T đồng ý chuyển khoản trong ngày. Nhận tiền xong, T viết biên nhận giao cho T cất giữ. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi được 03 tháng với số tiền là 18.000.000đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của T số tiền 282.000.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**39. Đối với Nguyễn Thị Kim L**

Trân Thị T quen biết với Nguyễn Thị Kim L do ở cùng địa phương. Vào ngày 14/01/2023AL, T hỏi vay vàng của bà L để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 200.000đồng/cây/tháng, thời hạn trả nợ khi cần thì lấy lại thì bà L đồng ý. Sau đó, L mang 02 cây 04 chỉ vàng nhẫn 98% có giá trị 127.243.200 đồng đến tiệm vàng Đồng Tín giao cho T. Nhận vàng xong, T viết biên nhận giao cho L cất giữ. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho L được 02 tháng với số tiền 960.000 đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của L số tiền 126.283.200 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**40. Đối với Nguyễn Văn M**

Trần Thị T quen biết với Nguyễn Văn M do ở cùng địa phương. Tháng 5/2022AL, T hỏi vay tiền của M để kinh doanh, thỏa thuận lãi suất từ 01-02%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần thì lấy liền thì M đồng ý. M giao tiền cho

T tại tiệm vàng. Sau khi nhận tiền, T đều viết biên nhận giao cho M cất giữ. Với thỏa thuận trên, T đã vay của M 03 lần, cụ thể:

- Lần 01: Vào ngày 15/5/2022AL, T vay M 70.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 1.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, trả lãi cho M 10 tháng, với số tiền 10.000.000 đồng.

- Lần 02: Vào ngày 04/10/2022, T vay M 5.000USD (có giá trị 120.000.000đồng), thỏa thuận tiền lãi là 1.200.000 đồng/tháng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, trả lãi cho M 06 tháng, với số tiền 7.200.000 đồng.

- Lần 03: Vào ngày 15/02/2023AL, T vay M 200.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 4.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, trả lãi cho M 01 tháng, với số tiền 4.000.000 đồng.

Như vậy, từ 15/5/2022AL đến ngày 15/02/2023AL, Trần Thị T vay của Nguyễn Văn M tổng số tiền 390.000.000 đồng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi 21.200.000 đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của M số tiền 368.800.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**41. Đối với H Thị D**

Trần Thị T quen biết với H Thị D do ở cùng địa phương. Khoảng tháng 01/2021AL, T nói với D cần vay tiền, vàng để kinh doanh, thỏa thuận có lãi suất, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì D đồng ý. D giao tiền, vàng cho T tại tiệm vàng. Các lần vay, T đều viết biên nhận giao cho D cất giữ. Với thỏa thuận trên, T đã vay của D 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Tháng 01/2021AL, T vay D 340.000.000 đồng và 03 cây vàng 98%, thỏa thuận lãi suất 2.000.000 đồng/tháng. Sau khi nhận tiền vàng, T viết biên nhận giao cho D cất giữ. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho D được 24 tháng với số tiền 48.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 22/01/2023AL, T vay D 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 1.000.000 đồng/tháng. Nhận tiền xong, T lấy lại biên nhận cũ và viết biên nhận mới giao cho D cất giữ. Sau khi vay, T chưa trả gốc, lãi.

Sau khi Trần Thị T bỏ trốn, Nguyễn Thị Hoa trả cho D số tiền 10.000.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 01/2021AL đến ngày 22/01/2023AL, Trần Thị T đã vay của H Thị D tổng số tiền là 540.000.000đồng và 03 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 147.000.000 đồng. Sau khi vay, T trả lại cho D tổng số tiền 58.000.000đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của D số tiền 629.000.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**42. Đối với Nguyễn Q**

Trần Thị T chỉ quen biết với Nguyễn Q. Vào ngày 05/02/2023AL, Q đến tiệm vàng Đồng Tín gặp T đặt làm 01 chiếc cong, trọng lượng 01 cây vàng 9999 với giá 54.000.000đồng. Sau khi thống nhất chọn mẫu mã, Q giao cho T 54.000.000 đồng. Nhận tiền xong, T viết biên nhận giao cho Q cất giữ. Sau đó, T không làm vàng cho Q mà chiếm đoạt 54.000.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**43. Đối với Nguyễn Văn A**

Trần Thị T quen biết với Nguyễn Văn A do ở cùng địa phương. Vào ngày 20/4S/2020 (tháng 4 nhuần), T nói với A cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì A đồng ý. Trong ngày, A mang số tiền 30.000.000 đồng đến tiệm vàng giao cho T. Nhận tiền xong, T viết biên nhận giao cho A cất giữ. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi được 35 tháng với số tiền 21.000.000 đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của A số tiền 9.000.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**44. Đối với Nguyễn Thị Đ**

Trần Thị T quen biết với Nguyễn Thị Đ do ở cùng địa phương. Vào ngày 04/02/2023AL, T nói với Đ cần vay vàng để kinh doanh, có trả lãi và thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì Đ đồng ý. Trong ngày, Đ mang 01 cây vàng 9999 và 03 chỉ vàng Tây (trị giá 64.390.000 đồng) đến giao cho T mượn (không có lãi suất), thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền. Nhận vàng xong, T viết biên nhận giao cho Đ cất giữ. Lúc này, Đ lấy lại 02 chỉ vàng 9999 nên T đã viết vào biên nhận trừ 02 chỉ vàng 9999. Sau khi mượn, T chiếm đoạt toàn bộ số vàng trên có giá trị 53.570.000đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**45. Đối với Huỳnh Thị S**

Trần Thị T quen biết với Huỳnh Thị S do ở cùng địa phương. Khoảng năm 2018, T và S phát sinh quan hệ vay vàng và đã tất toán xong. Đến ngày 18/6/2020AL, T tiếp tục nói với S cần vay vàng kinh doanh, thỏa thuận lãi 200.000đ/cây/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì S đồng ý. Trong ngày, S mang 03 cây vàng nhẫn 9T8 có giá trị 160.524.000 đồng đến tiệm vàng giao cho T. Nhận vàng xong, T viết biên nhận giao cho S cất giữ. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho S được 32 tháng với số tiền 19.200.000 đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của bà S số tiền 141.324.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**46. Đối với Trần Thị D**

Trần Thị T quen biết với Trần Thị D do ở cùng địa phương. Tháng 6/2022AL, T nói với D cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần lấy liền thì D đồng ý. D giao tiền cho T tại tiệm vàng.

Sau khi nhận tiền, T đều viết biên nhận giao cho D cất giữ. Với thỏa thuận như trên, T vay D 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Vào ngày 02/6/2022AL, T vay D 110.000.000 đồng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi được 09 tháng với số tiền 14.850.000 đồng.

- Lần 02: Vào ngày 05/12/2022AL, T vay D 177.000.000 đồng. Sau khi vay, T chưa trả gốc, trả lãi được 03 tháng với số tiền 7.965.000 đồng.

Sau khi T bỏ trốn, Nguyễn Thị Hoa trả cho D 7.000.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 02/6/2022AL đến ngày 05/12/2022AL, Trần Thị T vay của Trần Thị D 02 lần với tổng số tiền 287.000.000 đồng. Sau khi vay, T trả cho D tổng số tiền 29.815.000 đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của D số tiền 257.185.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**47. Đối với Nguyễn Thị N**

Trần Thị T quen biết với Nguyễn Thị N do đến tiệm của T mua vàng. Vào ngày 01/9/2022, T liên lạc với N hỏi mượn tiền vàng để kinh doanh, thỏa thuận thời hạn trả nợ khi nào cần thì lấy lại thì N đồng ý. Trong ngày, N mang 02 chỉ vàng nhẫn 98% có giá trị 10.400.000 đồng đến tiệm vàng giao cho T. T nhận vàng rồi viết biên nhận giao cho N cất giữ. Đến ngày 27/12/2022, T tiếp tục hỏi mượn tiền kinh doanh thì N đồng ý. Do N đang ở Kon Tum nên T đưa số tài khoản Agribank của Trương Gia M (con của T) nói N nộp tiền vào thì N nộp số tiền 37.300.000 đồng. Đến ngày 21/12/2022AL, T viết biên nhận mới 01 cây vàng nhẫn 98% giao cho N, lấy lại biên nhận cũ.

Sau khi mượn, T đã trả cho N tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của N 37.700.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**48. Đối với Huỳnh Thị Ngọc H**

Trần Thị T quen biết với Huỳnh Thị Ngọc H do ở cùng địa phương. Vào ngày 15/2N/2023AL (tháng 2 Nhuần), T đến nhà bà H hỏi mượn 13 chỉ vàng nhẫn 98% có giá trị 71.598.800 đồng, thời hạn trả nợ 01 tháng thì H đồng ý. Nhận vàng xong, T về nhà viết biên nhận mang qua giao cho H cất giữ. Sau khi T bỏ trốn khỏi địa phương, Nguyễn Thị Hoa trả cho H 02 chỉ vàng nhẫn 98%. Do đó, T còn chiếm đoạt của H 11 chỉ vàng nhẫn 98%, có giá trị 60.583.600 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

**49. Đối với Phùng Thị T V**

Trần Thị T là bạn của Phùng Thị T V. Vào ngày 03/10/2022AL, T nói với V cần vay tiền kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 01%/tháng, thời hạn trả nợ khi nào cần thì lấy liền thì V đồng ý. Sau đó, V mang số tiền 100.000.000 đồng đến tiệm vàng Đồng Tín giao cho T. Nhận tiền xong, T viết biên nhận giao cho V cất giữ. Sau khi vay, T chưa trả gốc, chỉ trả lãi cho V 03 tháng với số tiền 3.000.000

đồng. Do đó, T còn chiếm đoạt của bà V 97.000.000 đồng, sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, Trần Thị T, Trương Văn Đ còn vay và nợ tiền, vàng của Phan Thị Mỹ H số tiền 300.000.000 đồng, Hoàng Thị Kim C số tiền 25.000.000 đồng, Đinh Thị Mỹ H1 số tiền 50.000.000 đồng, Trương Thị H 01 cây vàng SJC 9999 và 10.000.000 đồng, Đặng T2 G 05 cây vàng nhẫn 98%, *Nguyễn Văn X 07 cây vàng nhẫn 98%*, Phan T Huấn 15 cây vàng nhẫn 98%, Phan Thị Thu T1 10 cây vàng nhẫn 98% và 200.000.000 đồng, Đặng Thị T2 H 36 cây vàng SJC; T, Đ sử dụng vào mục đích kinh doanh, trả lãi trong thời gian dài, không có dấu hiệu chiếm đoạt nên đây là quan hệ dân sự. Còn các cá nhân khác, mặc dù T, Đ còn nợ tiền nhưng những người này đã rút Đơn tố cáo và không yêu cầu xử lý hình sự đối với Trần Thị T, Trương Văn Đ, nên không xem xét, xử lý trong vụ án.

Ngày 23/01/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) có Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTTHS đối với số vàng mà các cá nhân cho Trần Thị T, Trương Văn Đ vay là 4.569.603.750 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh G) đã tạm giữ và nhập kho vật chứng để bảo quản các đồ vật, tài liệu sau: 01 bì thư được niêm phong theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 15/5/2025 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh G), bên trong gồm: 01 điện thoại Iphone, kiểu máy Iphone 13 Pro Max, số máy: NLF53LL/A, số seri: K0M9N9NV4K, mật khẩu 1968, không kiểm tra chất lượng bên trong.

*Với nội dung như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 137/2025/HS-ST ngày 30-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T 20 (hai mươi) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/12/2024.

2.2. Xử phạt: Bị cáo Trương Văn Đ 15 (mười lăm) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ có trách nhiệm trả cho người bị hại ông Nguyễn Văn X 110.046.000 đồng số tiền chiếm đoạt.

3.2. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (2015) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự đối với các bị hại khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:*

Ngày 13/10/2025, bị hại Nguyễn Văn X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị hại Nguyễn Văn X trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn X là trong thời hạn luật định.

Về nội dung:

Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Trần Thị T 20 (hai mươi) năm tù, bị cáo Trương Văn Đ 15 (mười lăm) năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị hại Nguyễn Văn X1 cho các bị cáo T, Được mượn 07 cây vàng thời điểm trước năm 2019, lúc này Doanh nhiệp của các bị cáo vẫn hoạt động bình thường, các bị cáo vẫn sử dụng số vàng đã vay trên để phục vụ kinh doanh và trả lãi theo

thoả thuận, không có việc đưa ra thông tin gian dối để bị hại cho vay số tiền trên. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định việc cho vay 07 cây vàng nêu trên đã được thực hiện trước thời điểm năm 2019 là giao dịch dân sự, đồng thời tại Bản án sơ thẩm đã nhận định và hướng dẫn ông X có thể khởi kiện bằng 01 vụ án dân sự khác để yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Sau thời điểm 2019, các bị cáo biết mình đã mất khả năng thanh toán nhưng vẫn đưa ra thông tin gian dối để bị hại Nguyễn Văn X cho vay 4,5 cây vàng nhẫn 98% và đã trả được 2 cây, còn nợ lại 2,5 cây vàng 98%, nên Tòa án cấp sơ thẩm quy ra thành tiền buộc các bị cáo T, Đ1 phải trả cho bị hại số tiền là 110.046.000 đồng là giải quyết đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn ông X về việc đề nghị các bị cáo phải bồi thường cho ông tổng cộng 9,5 cây vàng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho 02 bị cáo trình bày tranh tụng: thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên phát biểu.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2025 bị hại Nguyễn Văn X kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của bị hại là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn X:

[2.1] Tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ nhận tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Năm 2000, Trần Thị T và Trương Văn Đ trực tiếp quản lý, tổ chức kinh doanh tiệm V. Quá trình kinh doanh, vợ chồng Trần Thị T đã huy động tiền, vàng của nhiều cá nhân trên địa bàn thị xã A và huyện P, tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai). Từ khi đại dịch Covid 19 xảy ra, thì hoạt động kinh doanh của tiệm V trì trệ, đồng thời lúc này nhiều cá nhân cho vợ chồng Trần Thị T vay tiền, vàng trước đó đến rút tiền gốc nên tiệm vàng không còn khả năng trả nợ. Trong khi đó, Trần Thị T và Trương Văn Đ vẫn phải trả lãi đều đặn cho các khoản vay của các món vay chưa đến hạn. Vì vậy, để có tiền trả nợ, Trần Thị T, Trương Văn Đ đã có hành vi gian dối đưa ra nhiều thông tin không có thật nhằm để huy động tiền, vàng của nhiều cá nhân với mục đích để mở rộng kinh doanh và hứa hẹn trả lãi suất từ 0,5 - 3,6%/tháng

với điều kiện và thời hạn trả nợ là "*khi nào cần thì lấy liền*" để các cá nhân tin tưởng cho Trần Thị T và Trương Văn Đ vay. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, vàng thì Trần Thị T, Trương Văn Đ không sử dụng vào việc kinh doanh như cam kết mà sử dụng tiền vay vào việc trả nợ gốc, lãi cho những khoản vay trước đó và chi tiêu cho cuộc sống gia đình và chi phí cho con đi học. Bằng cách thức và thủ đoạn gian dối nêu trên, từ tháng 6/2019 đến 22/02/2023 AL (tức ngày 12/4/2023), Trần Thị T đã vay, chiếm đoạt của 49 cá nhân với tổng số tiền 22.498.327.750 đồng. Trong đó, Trương Văn Đ đã cùng với Trần Thị T vay, chiếm đoạt của 30 cá nhân tổng số tiền 18.519.846.000 đồng.

[2.2] Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định, Toà án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Trần Thị T 20 (hai mươi) năm tù, bị cáo Trương Văn Đ 15 (mười lăm) năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.3] Đối với trường hợp bị hại Nguyễn Văn X bị chiếm đoạt như sau:

Trần Thị T, Trương Văn Đ quen biết Nguyễn Văn X do đến tiệm V mua bán vàng. Tháng 5/2020AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ nói với Nguyễn Văn X cần vay vàng kinh doanh, thỏa thuận lãi suất 200.000 đồng/cây/tháng, thời hạn trả khi nào cần lấy liền nên Nguyễn Văn X đồng ý. Nguyễn Văn X giao vàng cho T, Đ tại tiệm vàng. Nhận vàng xong, T đều viết Biên nhận giao cho Nguyễn Văn X cất giữ. Khi vay thêm, T viết Biên nhận mới, lấy lại Biên nhận cũ. Với thỏa thuận trên, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của X 02 lần, cụ thể:

- Lần 01: Tháng 5/2020AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Nguyễn Văn X 03 cây vàng nhẫn 98%. Sau khi vay, T, Đ chưa trả gốc, chỉ trả lãi được 24 tháng với số tiền 14.400.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 15/5/2022AL, Trần Thị T, Trương Văn Đ vay của Nguyễn Văn X 1,5 cây vàng nhẫn 98%. T, Đ nhận vàng rồi viết Biên nhận mới, lấy lại Biên nhận cũ. Sau khi vay, T trả gốc 02 cây vàng nhẫn 98%, trả lãi số tiền 5.600.000 đồng.

Như vậy, tháng 5/2020AL Trần Thị T, Trương Văn Đ vay 02 lần của Nguyễn Văn X 4,5 cây vàng nhẫn 98%. Sau khi vay, T, Đ đã trả gốc 02 cây vàng nhẫn 98% (2,5 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 130.046.000 đồng) và tổng tiền lãi là 20.000.000 đồng. Do đó, T, Đ còn chiếm đoạt của X 110.046.000 đồng, sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

[2.4] Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không kháng cáo. Bị hại Nguyễn Văn X kháng cáo một phần bản án thấy rằng:

Như nội dung đã được phân tích, nhận định tại tiểu mục [2.3] nêu trên xác định, các bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Văn X 2,5 cây vàng nhẫn 98% có giá trị 110.046.000 đồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc các bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ có trách nhiệm trả cho bị hại Nguyễn Văn X số tiền 110.046.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị hại kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường 9 cây 5 chỉ vàng nhẫn 98% nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định việc bị hại Nguyễn Văn X1 cho các bị cáo T, Được mượn 07 cây vàng thời điểm trước năm 2019 là giao dịch dân sự và hướng dẫn ông Nguyễn Văn X có thể khởi kiện bằng 01 vụ án dân sự khác để yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo các bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

2.2. Về hình phạt:

2.2.1. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị T 20 (hai mươi) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/12/2024.

2.2.2. Xử phạt: Bị cáo Trương Văn Đ 15 (mười lăm) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Buộc bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ có trách nhiệm trả cho người bị hại ông Nguyễn Văn X 110.046.000 đồng số tiền chiếm đoạt.

3.2. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (2015) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo các bị cáo Trần Thị T, Trương Văn Đ không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử** **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Văn Thường** **Đặng Kim Nhân** **Trần Quốc Cường**